

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15/03/ 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Lâm và ông Trần Văn Tài.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐ-HPT ngày 22/01/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1982; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đức T; sinh năm: 1975; Nơi ĐKKHKT:Tổ dân phố X, phường H, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Lê Đức T kết hôn với nhau vào ngày 06/11/2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ngập, ngoại tình nên vợ chồng phát sinh nhiều xích mích, nên vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2008 cho đến nay. Hiện chị Q xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Lê Đức T. Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyên P – sinh ngày: 26-08-2008, từ năm 2008. Từ khi sinh cho đến nay, con sống cùng chị và gia

đình bên ngoài. Nay vợ chồng ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Đức T trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử hôm nay đều không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành rất nhiều biện pháp để đề nghị anh T phối hợp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp tuy nhiên, anh T không thường xuyên có mặt tại địa phương nên không có kết quả. Anh T thường xuyên trốn tránh vì vậy Tòa án không tiến hành làm việc để lấy lời khai cũng như hòa giải giữa vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại các phiên công khai chứng cứ cũng như phiên hòa giải và các phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Về tình cảm: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Đức T. Về con chung: Đề nghị căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Lê Nguyên Quân sinh ngày 26-8-2008 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Q về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5, điểm Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Lê Đức T được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn anh Lê Đức T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Đức T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Thượng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

. HĐXX nhận thấy quá trình vợ chồng chung sống với nhau được một năm thờ xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ cuối năm 2008 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hơn hai bên không có biện pháp gì để tìm ra nguyên nhân nhằm khắc phục những mâu thuẫn, níu kéo cuộc sống vợ chồng. Hơn nữa sau khi thụ lý đơn Tòa án cũng đã tiến báo gọi cả hai bên để tiến hành hòa giải nhằm phân tích những mặt đúng, sai của từng người để từ đó hai người hiểu ra xem xét lại trách nhiệm của mình và bỏ qua tất cả để quay về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, song các lần hòa giải đều không có kết quả vỡ lý do anh T khụng chấp hành theo giấy triệu tập của tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Đức T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên xử cho Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Đức T là phù hợp với điều 51, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyên P sinh ngày 26-8-2008. Chị Q có nguyện vọng được nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị Q là có căn cứ bởi vì từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con ở với chị và cháu Quân cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Lê Nguyên Quân cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân nên phải nộp án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo điểm a Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyên P sinh ngày 26-8-2008 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0007153 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án thị xã Kỳ Anh, tiền án phí chị Q đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Lê Đức T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

